

Bản án số: 103/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 29-3-2024  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Huy Phong.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thanh Liêm và bà Hoàng Thị Thiện Lai.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Tường Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:**  
Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 647/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 141/2024/QĐ-ST, ngày 14 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1983; nơi cư trú: ấp H, xã L, huyện C, tỉnh An Giang, (có đơn xin xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị K.O, sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp H, xã L, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Minh T trình bày:*

Ông và bà Trần Thị K.O quen biết, tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2000 tại xã L, huyện C, tỉnh An Giang, không có đăng ký kết hôn. Đến năm 2021, ông và bà O xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn nên không sống chung cho đến nay. Do tình cảm không còn nên ông yêu cầu ly hôn bà O; về con chung: Nguyễn Thị T.K, sinh năm 2001, Nguyễn Minh V, sinh năm 2004 do con đã thành niên và có khả năng lao động; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án xem xét.

*Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:*

Bản sao, Giấy khai sinh con chung; Tờ tự khai và đơn khởi kiện; Giấy xác nhận thông tin nơi cư trú của ông Nguyễn Minh T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải để động viên ông T, bà O xóa bỏ những bất đồng quan điểm, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông Tuấn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với bà O; bà O được triệu tập nhưng đều vắng mặt, không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm với ông T. Vì vậy, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định.

Tại bản xác minh của Cán bộ Tòa án lập được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C cung cấp xác nhận thông tin ông Nguyễn Minh T và bà Trần Thị K.O cư trú tại ấp H, xã L, huyện C, tỉnh An Giang không có đăng ký kết hôn.

Tại phiên tòa, ông T có đơn xin vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với bà O, bà O vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang* phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án như sau:

- *Về tố tụng*: Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn Trần Thị K.O tuy được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt; quá trình Tòa án làm việc ông T có ý kiến xin vắng mặt tại các phiên tòa; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- *Ý kiến về giải quyết vụ án*:

+ Về hôn nhân: ông Nguyễn Minh T và bà Trần Thị K.O tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định; vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không thể hòa hợp và không tiếp tục chung sống với nhau nên ông T xin ly hôn với bà O. Xét thấy, ông T, bà O chung sống với nhau, có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện. Do đó, xác định hôn nhân giữa ông, bà là không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận, bảo vệ; căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận ông T, bà O là vợ chồng.

+ Về con chung: có 02 con chung Nguyễn Thị T.K, sinh năm 2001, Nguyễn Minh V, sinh năm 2004 đã thành niên và có khả năng lao động; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Về tài sản và nợ chung: không có, không đề cập.

*Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;*

- Không công nhận ông Nguyễn Minh T và anh Trần Thị K.O là vợ chồng;

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Ông Nguyễn Minh T có đơn khởi kiện đối với bà Trần Thị K.O về yêu cầu ly hôn do không đăng ký kết hôn. Bà O có địa chỉ cư trú tại ấp H, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Ông Nguyễn Minh T yêu cầu ly hôn với bà O do vợ chồng không còn tình cảm và không đăng ký kết hôn. Bên cạnh đó, tại bản xác minh của Cán bộ Tòa án lập được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C cung cấp xác nhận thông tin ông Nguyễn Minh T và bà Trần Thị K.O cư trú tại ấp H, xã L, huyện C, tỉnh An Giang không có đăng ký kết hôn.

Như vậy, Tòa án xác định quá trình vợ chồng chung sống, ông T và bà O không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ vợ chồng không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông T, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà O.

[3] Ông Tuấn không yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền nuôi con chung Nguyễn Thị T.K, sinh năm 2001, Nguyễn Minh V, sinh năm 2004 do con đã thành niên và có khả năng lao động; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Ông T phải chịu án phí ly hôn không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bà O không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;*

*Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;*

*Căn cứ khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T đối với bà Trần Thị K.O.

Không công nhận ông Nguyễn Minh T và bà Trần Thị K.O là vợ chồng.

2. Về án phí sơ thẩm:

Ông Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0014101 ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Bà Trần Thị K.O không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Minh T, bà Trần Thị K.O, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc được niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND xã N, huyện C, tỉnh An Giang.
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Huy Phong**